TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1094/2017/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 845/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T
Địa chỉ: 30/22 Đường H, Phường S, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trịnh Đình X
Địa chỉ: 120 Đường số N, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự trong vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 845/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn"

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :

Bà Vũ Thị T
Địa chỉ: 30/22 Đường số H, Phường S, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trịnh Đình X
Địa chỉ: 120 Đường số N, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị T và ông Trịnh Đình X đồng ý thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2013 do UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 13/01/2013 không còn giá trị).

Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Đình Bảo H (sinh ngày 15/5/2014). Cả hai thỏa thuận giao trẻ H cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông X cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, đến khi con chung trưởng thành. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2017.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm dừng việc cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về

kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Đình X và Vũ Thị T được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông X có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Trong trường hợp ông X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông X.

Bà T có quyền yêu cầu ông X thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều 82 Luật hôn nhân gia đình; Bà T có quyền yêu cầu ông X và các thành viên gia đình của ông X tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Bà T cùng các thành viên trong gia đình của mình không được cản trở ông X trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của ông X, bà T hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi ông X, bà T có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật hôn nhân gia đình, ông X, bà T hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X chậm giao tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng ông X còn phải chịu trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 12%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Về án phí LHST: Án phí hòa giải thành là 150.000 đồng. Bà T, ông X mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà Vũ Thị T tự nguyện chịu thay tiền án phí cho ông X và được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà T đã tạm đóng theo biên lai thu số AA/2016/0018868 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà T đã nộp đủ án phí, hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 đồng.

Ông X phải chịu án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Ngọc Tài